

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/DS-ST

Ngày 02-12-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ bơm tiêu
và bồi thường thiệt hại về tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Anh Đào.
2. Ông Đặng Thành Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Định – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28-10, ngày 25-11 và ngày 02-12-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ bơm tiêu và bồi thường thiệt hại về tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2021/QĐST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Phước Nh, sinh năm 1980 – Chủ hộ kinh doanh Trần Phước Nh (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn L, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Tiêu Văn NH, sinh năm 1964 – Tổ trưởng Tổ hợp tác số 03 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Lê Văn G, sinh năm 1976 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20-9-2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là anh Trần Phước Nh trình bày:

Vào năm 2014, anh Nh có ký hợp đồng rút nước ra chống úng để làm liên vụ 03 Tổ hợp tác thuộc Ô bao ấp C, xã T thời hạn là từ vụ Hè thu năm 2014 đến vụ Thu đông năm 2019 với giá là 215.000 đồng/1.000m²/1 năm. Chia làm 02 vụ để thu tiền: Vụ Hè thu là 100.000đồng/1.000m² và vụ Thu đông là 115.000 đồng/1.000m². Ông Nguyễn Văn L có diện tích đất là 132,8 công (132.800m²) nằm trong Tổ hợp tác số 03 mà anh Nh phục vụ rút nước ra và anh Nh phục vụ rất tốt nhưng ông L không thanh toán tiền cho anh Nh, cụ thể như sau: Vụ Hè Thu năm 2018 ông L còn nợ số tiền gốc là 3.280.000đồng và vụ Thu đông năm 2018 không trả tiền với số tiền gốc là 15.272.000đồng. Khi khởi kiện anh Nh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L trả số tiền vụ Hè Thu năm 2018 còn nợ số tiền gốc là 3.280.000đồng và tiền lãi là 3.280.000đồng x 8,5tháng x 1%/tháng = 278.000đồng và vụ Thu đông năm 2018 không trả tiền với số tiền gốc là 15.272.000đồng và tiền lãi là 15.272.000đồng x 4,5tháng x 1%/tháng = 687.000đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 19.517.000đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh Nh rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi là 965.000đồng chỉ yêu cầu ông L trả tiền bom tiêu còn thiếu gốc là 18.552.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với việc ông L yêu cầu anh Nh bồi thường thiệt hại về tài sản do đào đường nước ngang qua phần đất của ông L để thoát nước cho đất anh G năm 2018 là 2.000.000đồng/vụ x 3 vụ = 6.000.000đồng thì anh Nh không thống nhất

vì anh Nh không mượn đất của ông L mà anh G mượn và anh chỉ đào để phục vụ cho đất anh G.

- Theo đơn yêu cầu phản tố đề ngày 03-6-2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông L thống nhất là ông có diện tích đất là 132,8 công trong Tổ hợp tác số 03 do anh Nh phục vụ rút nước ra và giá phục vụ như anh Nh trình bày. Nhưng vụ Hè thu năm 2018 thì anh Nh có phục vụ và ông đã trả cho anh Nh số tiền là 10.000.000đồng, còn lại số tiền là 3.280.000đồng là do anh Nh đã đào đường nước tiêu ngang đất ông để thoát nước cho đất của anh G nên ông L giữ lại bù vào đường nước mà ông không xạ lúa được. Còn đối với vụ Thu đông năm 2018 thì ông L không có xạ lúa mà ông L chỉ xạ vụ Đông xuân 2019 nên ông L không đồng ý trả tiền rút nước ra là 15.272.000đồng cho anh Nh. Nay anh Nh yêu cầu trả số tiền còn thiếu vụ Hè thu năm 2018 là 3.280.000đồng thì ông L thống nhất trả. Ông L yêu cầu anh Nh bồi thường thiệt hại do ông không xạ lúa được phần đường nước mà anh Nh đào để thoát nước cho đất anh G năm 2018 là 2.000.000đồng/vụ x 3 vụ = 6.000.000đồng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Tiêu Văn NH trình bày:

Ông NH là Tổ trưởng Tổ hợp tác số 03 và cũng là người có đất canh tác bên cạnh đất ông L. Nên việc ông L canh tác diện tích đất là đúng như anh Nh khởi kiện. Còn việc ông L không trả tiền rút nước ra cho anh Nh vụ Hè thu năm 2018 là 3.280.000đồng với lý do là đào đường thoát nước ngang đất ông L là không đúng vì tại cuộc họp của Tổ hợp tác thì ông L đồng ý cho anh G đào đường nước ngang đất ông L. Còn đối với vụ Thu đông năm 2018 thì đất của ông L không có bỏ trống mà vẫn canh tác nhưng là thu hoạch sớm hơn thôi nên ông L phải trả tiền rút nước ra cho anh Nh mới đúng và những hộ nông dân khác cũng trả cho anh Nh rồi trong đó cũng có ông.

- Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn G trình bày:

Do trước đây đất của ông L có phần là địa nên anh G thoát nước xuống địa đó. Sau đó, ông L lấp lại để canh tác lúa nên anh G không có nơi thoát nước nên anh G nói với ông L là mượn một phần đất ông L, anh Nh ra máy cò bê để mức 01 đường nước ngang phần đất của ông L để anh G thoát nước. Lúc anh G

mượn thì ông L cũng đồng ý vì là chỗ tình nghĩa và không nói bồi thường thiệt hại gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nh đối với yêu cầu tính lãi số tiền là 965.000đồng.

- Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Phước Nh về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn L trả số tiền thủy lợi phí bơm rút nước ra là 18.552.000đồng, không yêu cầu tính lãi

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu anh Nh bồi thường thiệt hại 03 vụ lúa năm 2018 là 2.000.000đồng x 3 vụ = 6.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 20-9-2019, anh Trần Phước Nh nộp trực tiếp tại Tòa án về việc yêu cầu trả tiền dịch vụ bơm tiêu chống úng (rút nước ra), bị đơn yêu cầu phản tố yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản. Người khởi kiện có quyền khởi kiện và thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các Điều 186, 188, 189, 190 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có yêu cầu phản tố thực hiện đúng quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự. Nên xét thấy đây là tranh chấp theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ tại huyện Tân Hồng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tiêu Văn NH vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và anh Lê Văn G vắng mặt lần 2, không có lý do nên căn cứ vào Điều 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Anh Trần Phước Nh yêu cầu ông Nguyễn Văn L trả tiền bơm tiêu chống úng vụ Hè thu 2018 và Thu đông năm 2018 số tiền gốc là 18.552.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ hợp đồng số 05/HĐ-BT ngày 26 tháng 5 năm 2014 giữa Tổ hợp tác số 01, 02, 03 với anh Trần Phước Nh (Chủ đầu tư) thì anh Nh được thuê bơm rút nước ra chống úng cho cánh đồng Cả Mũi – Chín Kheo với tổng diện tích là 555ha, giá là 215.000đồng/1.000m²/năm (chia thành 02 vụ để thu tiền: Hè thu là 100.000đồng/1.000m², Thu đông là 115.000đồng/1.000m²) trong đó có diện tích của ông Nguyễn Văn L. Theo hai bên thống nhất thì diện tích của ông L canh tác là 132,8 công (132.800m²) thuộc Tổ hợp tác số 03. Ông L cũng thừa nhận là anh Nh có bơm tiêu theo đúng hợp đồng và vụ Hè thu năm 2018 ông L đã trả cho anh Nh số tiền là 10.000.000đồng, còn lại số tiền là 3.280.000đồng. Còn đối với vụ Thu đông năm 2018 thì đất ông L cho rằng ông không có xạ lúa nên ông không đồng ý trả tiền cho anh Nh. Tuy nhiên, theo lời trình bày của ông Tiêu Văn NH (Tổ trưởng tổ hợp tác số 3, người canh tác bên cạnh ông L) thì vụ Thu đông năm 2018, ông L có canh tác chứ không bỏ trống. Điều này cũng phù hợp như lời trình bày của ông L là ông không bỏ đất trống mà do vụ Hè thu ông canh tác trễ nên ông không canh tác vụ Thu đông mà canh tác vụ Đông xuân sớm. Từ những căn cứ nêu trên, thì việc anh Nh yêu cầu ông L trả tiền bơm tiêu chống úng còn thiếu số tiền gốc là 18.552.000đồng là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu ông L trả lãi số tiền là 965.000đồng. Tại phiên tòa anh Nh xin rút yêu cầu phân lãi này và việc rút của anh Nh là tự nguyện, do đó đình chỉ xét xử đối với phần tính lãi là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu phản tố của bị đơn:

Ông Nguyễn Văn L yêu cầu phản tố buộc anh Trần Phước Nh bồi thường phần đường nước mà anh Nh đào để thoát nước cho ruộng anh G năm 2018 là 2.000.000đồng/vụ x 3 vụ = 6.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nh cũng thừa là có đào đường nước qua phần đất của ông L. Tuy nhiên, việc đào nước thoát là do anh G tự mượn đất của ông L và kêu anh Nh đào chứ anh Nh không tự ý làm. Điều này phù hợp với lời trình bày của ông L, anh G và ông NH. Nhận thấy việc đào đường nước qua đất ông L là để phục vụ cho việc thoát nước của anh G và anh G là người mượn đất của ông L, khi mượn ông L cũng đồng ý cho mượn và không thỏa thuận về việc bồi thường. Nên việc ông L cho rằng anh Nh là chủ đầu tư nên trách nhiệm bồi thường cho ông là không phù hợp nên không chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ông Nguyễn văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ phải trả cho anh Nh là 18.552.000đồng x 5% = 927.600đồng (làm tròn là 928.000đồng) và tiền án phí dân sự do yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 300.000đồng. Nhưng khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0008859 ngày 08-6-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Ông Nguyễn Văn L còn phải nộp thêm số tiền 928.000đồng.

Anh Trần Phước Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Trần Phước Nh 488.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008330 ngày 02-10-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng.

Anh Lê Văn G và ông Tiêu Văn NH không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Hội đồng xét xử xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 147, 186, 188, 189, 190, 200, 228, 229, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 513, 518, 519 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và các Điều 18, 27 Pháp lệnh án Phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Phước Nh về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn L trả lại số tiền là 965.000 đồng (Chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Phước Nh.

Buộc ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ trả cho anh Trần Phước Nh số tiền thủy lợi phí bơm rút nước ra vụ Hè thu năm 2018 và Thu đông năm 2018 còn thiếu tổng cộng gốc là 18.552.000đồng (Mười tám triệu năm trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án mà bên thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3] Không chấp nhận yêu cầu phản tố của của ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu anh Trần Phước Nh bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền là 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ phải trả cho anh Nh là 928.000đồng và tiền án phí dân sự do yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 300.000đồng. Nhưng khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0008859 ngày 08-6-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Ông Nguyễn Văn L còn phải nộp thêm số tiền 928.000đồng (Chín trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Anh Trần Phước Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Phước Nh 488.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008330 ngày 02-10-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng.

Anh Lê Văn G và ông Tiêu Văn NH không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 02-12-2021).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Thị Mỹ Hương